

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 13/7/2023.
V/v ly hôn (không công nhận vợ
chồng);

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường A Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mỹ;
Ông Đặng Văn Nga.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn (không công nhận vợ chồng), trả chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh ngày 01/01/1982;

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 4, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Tuấn A, sinh ngày 01/01/1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 6, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đinh Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do bận đi làm và không am hiểu pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể Hn gắn, nguyên do

tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì hạnh phúc gia đình, vì các con còn nhỏ bà đã cố gắng níu kéo, nhưng không thể Hn gắn được nữa. Khoảng thời gian 05 năm gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau đó, bà đã bỏ về nH mẹ đẻ sinh sống tại nH ở thuộc xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng sống xa cách đã lâu, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn (không công nhận vợ chồng) với ông Đinh Tuấn A.

- Về con chung: Có 03 cháu tên là Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 25/10/2002; Đinh Tuấn M, sinh ngày 21/02/2007 và Đinh Bảo C, sinh ngày 09/7/2016. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, còn cháu C giao cho ông Tuấn A nuôi dưỡng; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

** Bị đơn Đinh Tuấn A trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Tuấn A kết hôn với bà Vũ Thị H vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định do không am hiểu pháp luật.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên do là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cả hai đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn (không công nhận vợ chồng) thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 cháu tên là Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 25/10/2002; Đinh Tuấn M, sinh ngày 21/02/2007 và Đinh Bảo C, sinh ngày 09/7/2016. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu C, còn cháu M giao cho bà H nuôi dưỡng; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đinh Tuấn A khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đinh Tuấn A khai không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị H, cho bà H được ly hôn (không công nhận vợ chồng) với ông Đinh Tuấn A; về con chung, giao cháu M cho bà H nuôi dưỡng, giao cháu C cho ông Tuấn A nuôi dưỡng, đối với cháu D đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do các đương sự đều khai tự thỏa thuận về tài sản và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn (không công nhận vợ chồng), tranh chấp về nuôi con” với ông Đinh Tuấn A, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 6, ấp 6, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn (không công nhận vợ chồng), tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Vũ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đinh Tuấn A không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (không hòa giải về quan hệ hôn nhân), nhưng ông Tuấn A vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 02/TB-TA ngày 31/5/2023, nhưng ông Tuấn A cũng không phản đối. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai đề tham gia phiên tòa, nhưng ông Tuấn A vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Đinh Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà H, ông Tuấn A có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Căn cứ theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định: “Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”, “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Do vậy, Tòa án không công nhận bà Vũ Thị H và ông Đinh Tuấn A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Giữa bà H và ông Tuấn A có 03 con chung là Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 25/10/2002; Đinh Tuấn M, sinh ngày 21/02/2007 và Đinh Bảo C, sinh ngày 09/7/2016. Khi ly hôn, ông Tuấn A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu C, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của bà H và ông Tuấn A là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu M là được ở với mẹ, cháu C là được ở với cha. Do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu C cho ông Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con; bà H và ông Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Đinh Thị Mỹ D,

sinh ngày 25/10/2002 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Tuấn A đều khai tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, 11, 12 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị H và ông Đinh Tuấn A là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Tuấn M, sinh ngày 21/02/2007 cho bà Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Đinh Bảo C, sinh ngày 09/7/2016 cho ông Đinh Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Đinh Thị Mỹ D, sinh ngày 25/10/2002 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà H và ông Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Tuấn A đều khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005016 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường A Sơn